TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỒNG PHÚ** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **114** /2023/HS-ST
Ngày: 08/12/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Văn Trung**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Đăng Thường**
Ông Nguyễn Viết Xứng

Thư ký phiên tòa: **Bà Đào Thị Quỳnh Nga** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Đức Mạnh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08/12/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 94/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 89/2023/QĐXXST-HS ngày 06/11/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn C** (tên gọi khác: L, M), sinh năm 1996; tại Ninh Bình; giới tình: Nam; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Th, sinh năm 1957 và con bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1960; có vợ tên là Trần Thị T-H, sinh năm 1998; có 02 con sinh năm 2017, 2019. Nơi thường trú: xóm 6, xã Như Hòa, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay: ấp 3, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/6/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đồng Phú, đến ngày 22/9/2023 được thay thế bằng biện pháp đặt tiền để bảo đảm.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Thị T-H, sinh năm 1998
Địa chỉ: ấp 3, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

2. Ngô Thị H, sinh năm 1976
Địa chỉ: ấp 1, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

3. Tiền Thủy T, sinh năm 1978
Địa chỉ: ấp Chợ, xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

4. Cao Thị Thanh Nh, sinh năm 1988
Địa chỉ: khu phố Thắng Lợi, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

5. Nguyễn Thị T1, sinh năm 1987
Địa chỉ: ấp Tân Hà, xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

6. Nguyễn Thị H-T, sinh năm 1956
Địa chỉ: ấp Minh Hòa, xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

7. Lưu Thị Đ, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp Cây Điệp, xã Tân Phước,huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

8. Trần Thị Nh, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp 3, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

9. Trần Thị L1, sinh năm 1971

Địa chỉ: ấp Pa Pếch, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

10. Võ Thị Th-T, sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp Suối Da, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

11. Nguyễn Thị C-L, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp 4, xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

12. Tôn Nữ T-H, sinh năm 1965

Địa chỉ: khu phố Thắng Lợi, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

13. Lý Vinh S, sinh năm 1970

Địa chỉ: khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

14. Lê Hoàng A-H, sinh năm 1982

Địa chỉ: Kp Tân Trà, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

15. Đoàn Thị K-Ng, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp 1, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Trần Văn C bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước truy tố về hành vi phạm tội như sau:

1. Bà Tiền Thủy T vay của Công 04 lần với lãi suất 304,17%/năm:

Lần 1: Vào tháng 5/2022, T vay C 10.000.000 đồng (chưa bao gồm phí hồ sơ 500.000 đồng), góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 12.000.000 đồng; mỗi ngày T phải góp 500.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên, T đã đáo hạn 09 lần với số tiền 10.000.000 đồng mỗi lần, đồng thời phải đóng phí 500.000 đồng mỗi lần đáo hạn. Đối với lần đáo hạn cuối T đã trả góp được 05 ngày với số tiền là 2.500.000 đồng cả gốc và lãi, sau đó T hết khả năng chi trả, còn nợ lại C 7.916.666 đồng tiền gốc. Tổng cộng khoản vay trên T đã trả cho C 5.000.000 đồng tiền phí, 92.083.334 đồng tiền gốc và 18.416.666 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 1.210.960 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 17.205.706 đồng).

Lần 2: Trong thời gian vay trả góp gói vay trên, vào tháng 7/2022 T vay C 5.000.000 đồng (chưa bao gồm phí hồ sơ 250.000 đồng), góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 6.000.000 đồng; mỗi ngày T phải góp 250.000 đồng (cả gốc và lãi). Đối với khoản vay này, T đã đáo hạn 02 lần với số tiền 5.000.000 đồng mỗi lần, đồng thời phải đóng phí 250.000 đồng mỗi lần đáo hạn. Khoản vay này T đã trả hết cho C. Tổng cộng khoản vay trên T đã trả cho C 750.000 đồng tiền phí, 15.000.000 đồng đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 197.259 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 2.802.741 đồng).

Lần 3: Khoảng tháng 10/2022, T tiếp tục vay C 10.000.000 đồng (chưa bao gồm phí hồ sơ 500.000 đồng), góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 12.000.000 đồng; mỗi ngày T phải góp 500.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên, T đã đáo hạn

02 lần với số tiền 10.000.000 đồng mỗi lần, đồng thời phải đóng phí 500.000 đồng mỗi lần đáo hạn. Khoản vay này T đã trả hết cho C. Tổng cộng khoản vay trên T đã trả cho C 1.500.000 đồng tiền phí, 30.000.000 đồng tiền gốc và 6.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 394.521 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 5.605.479 đồng).

Lần 4: Khoảng tháng 12/2022, T tiếp tục vay C 15.000.000 đồng (chưa bao gồm phí hồ sơ 750.000 đồng), góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 18.000.000 đồng; mỗi ngày T phải góp 750.000 đồng (cả gốc và lãi). T đã trả góp được 03 ngày với tổng số tiền là 2.250.000 đồng (tiền gốc 1.875.000 đồng và tiền lãi là 375.000 đồng (lãi suất cho phép 20%/năm là 24.658 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 350.342 đồng)), sau đó đến khoảng đầu năm 2023 T hết khả năng chi trả, còn nợ lại C 13.125.000 đồng tiền gốc.

Tổng số tiền Trần Văn C thu lợi bất chính đối với Tiền Thủy T là 33.964.268 đồng.

2. Ông Lý Vinh S vay của Công 02 lần với lãi suất 304,17%/năm:

Lần 1: Khoảng tháng 11/2022, S vay của C 8.000.000 đồng, (chưa bao gồm phí hồ sơ 400.000 đồng), góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 9.600.000 đồng; mỗi ngày S phải góp 400.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên, S đã đáo hạn 09 lần với số tiền 8.000.000 đồng mỗi lần, đồng thời phải đóng phí 400.000 đồng mỗi lần đáo hạn. Đối với lần đáo hạn cuối S đã trả góp được 07 ngày với số tiền là 2.800.000 đồng cả gốc và lãi, sau đó S hết khả năng chi trả, còn nợ lại C 5.666.666 đồng tiền gốc. Tổng cộng khoản vay trên S đã trả cho C 4.000.000 đồng tiền phí, 74.333.334 đồng tiền gốc và 14.866.666 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 977.530 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 13.889.136 đồng).

Lần 2: Khi đang thực hiện góp khoản vay trên thì tháng 11/2022, S tiếp vay của C 7.000.000 đồng, (chưa bao gồm phí hồ sơ 350.000 đồng), góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 8.400.000 đồng; mỗi ngày S phải góp 350.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên, S đã đáo hạn 09 lần với số tiền 7.000.000 đồng mỗi lần, đồng thời phải đóng phí 350.000 đồng mỗi lần đáo hạn. Đối với lần đáo hạn cuối S đã trả góp được 04 ngày với số tiền là 1.400.000 đồng cả gốc và lãi, sau đó S hết khả năng chi trả, còn nợ lại C 5.833.667 đồng tiền gốc. Tổng cộng khoản vay trên S đã trả cho C 3.500.000 đồng tiền phí, 64.166.667 đồng tiền gốc và 12.833.333 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 843.837 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 11.989.496 đồng).

Tổng số tiền Trần Văn C thu lợi bất chính từ Lý Vinh S là 33.378.632 đồng.

3. Bà Cao Thị Thanh Nh vay C 02 lần với lãi suất 304,17%/năm:

Lần 01: Khoảng tháng 01/2023, Nh vay của C 6.000.000 đồng, (chưa bao gồm phí hồ sơ 300.000 đồng), góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 7.200.000 đồng; mỗi ngày Nh phải góp 300.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên, Nh đã đáo hạn 09 lần với số tiền 6.000.000 đồng mỗi lần, đồng thời phải đóng phí 300.000 đồng mỗi lần đáo hạn. Khoản vay này Nh đã trả hết cho C. Tổng cộng khoản vay trên Nh đã trả cho C 3.000.000 đồng tiền phí, 60.000.000 đồng tiền gốc và 12.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 789.040 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 11.210.960 đồng).

Lần 02: Khi đang góp khoản vay trên khoảng tháng 3/2023, Nh vay của C 5.000.000 đồng, (chưa bao gồm phí hồ sơ 250.000 đồng), góp trong vòng 24 ngày với

tổng số tiền phải góp là 6.000.000 đồng; mỗi ngày Nh phải góp 250.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên, Nh đã đáo hạn 03 lần, trong đó 02 lần đầu với số tiền 5.000.000 đồng mỗi lần, đồng thời phải đóng phí 250.000 đồng mỗi lần đáo hạn. Đến lần đáo hạn thứ 3 thì Nh vay 7.000.000 đồng, phí 350.000 đồng, Nh phải góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 8.400.000 đồng; mỗi ngày Nh phải góp 350.000 đồng (cả gốc và lãi). Đối với lần đáo hạn cuối Nh đã trả góp được 02 ngày với số tiền là 700.000 đồng cả gốc và lãi, sau đó Nh hết khả năng chi trả, còn nợ lại C 6.416.666 đồng tiền gốc. Tổng cộng khoản vay trên Nh đã trả cho C 1.100.000 đồng tiền phí, 15.583.334 đồng tiền gốc và 3.116.666 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 204.930 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 2.911.736 đồng).

Tổng số tiền Trần Văn C thu lợi bất chính đối với Cao Thị Thanh Nh là 18.222.696 đồng.

4. Bà Ngô Thị H vay 04 lần với lãi suất 304,17%/năm:

Lần 01: Khoảng tháng 02/2023, H vay của C 5.000.000 đồng, (chưa bao gồm phí hồ sơ 250.000 đồng), góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 6.000.000 đồng; mỗi ngày H phải góp 250.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên, H đã đáo hạn 01 lần với số tiền 5.000.000 đồng mỗi lần, đồng thời phải đóng phí 250.000 đồng mỗi lần đáo hạn. Khoản vay này H đã trả hết cho C. Tổng cộng khoản vay trên H đã trả cho C 500.000 đồng tiền phí, 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 131.506 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 1.868.494 đồng).

Lần 02: Khoảng tháng 3/2023, H vay của C 5.000.000 đồng, (chưa bao gồm phí hồ sơ 250.000 đồng), góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 6.000.000 đồng; mỗi ngày H phải góp 250.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay này H đã trả hết cho C. Tổng cộng khoản vay trên H đã trả cho C 250.000 đồng tiền phí, 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 65.753 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 934.247 đồng).

Lần 03: Khoảng tháng 4/2023, H vay của C 5.000.000 đồng, (chưa bao gồm phí hồ sơ 250.000 đồng), góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 6.000.000 đồng; mỗi ngày H phải góp 250.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên, H đã đáo hạn 01 lần với số tiền 5.000.000 đồng mỗi lần, đồng thời phải đóng phí 250.000 đồng mỗi lần đáo hạn. Khoản vay này H đã trả hết cho C. Tổng cộng khoản vay trên H đã trả cho C 500.000 đồng tiền phí, 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 131.506 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 1.868.494 đồng).

Lần 04: Ngày 10/6/2023, H vay của C 5.000.000 đồng, (chưa bao gồm phí hồ sơ 250.000 đồng), góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 6.000.000 đồng; mỗi ngày H phải góp 250.000 đồng (cả gốc và lãi). Đến ngày 13/6/2023, H vay thêm 5.000.000 đồng, phí phải trả 250.000 đồng. Tổng số tiền H vay C là 10.000.000 đồng, tổng số tiền H phải trả cho 02 lần vay là 12.000.000 đồng cả gốc và lãi. Khoản vay này, H đã trả cho C 500.000 đồng phí, tiền góp 2.000.000 đồng/04 ngày ((gồm 1.666.667 tiền gốc, 333.333 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 21.918 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 311.415 đồng)). Số tiền gốc H còn nợ là 8.333.333 đồng.

Tổng số tiền Trần Văn C thu lợi bất chính đối với Ngô Thị H là 6.732.650 đồng.

5. Bà Đoàn Thị K-Ng vay của C 03 lần với lãi suất 304,17%/năm và với lãi suất 365%/năm:

Lần 01: Ngày 26/02/2023, K-Ng vay của C 5.000.000 đồng, (chưa bao gồm phí hồ sơ 250.000 đồng), góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 6.000.000 đồng; mỗi ngày K-Ng phải góp 250.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên, K-Ng đã đáo hạn 03 lần với số tiền 5.000.000 đồng mỗi lần, đồng thời phải đóng phí 250.000 đồng mỗi lần đáo hạn. Khoản vay này K-Ng đã trả hết cho C. Tổng cộng khoản vay trên K-Ng đã trả cho C 1.000.000 đồng tiền phí, 20.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 263.012 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 3.736.988 đồng).

Lần 02: Ngày 10/3/2023, K-Ng vay của C 5.000.000 đồng, (chưa bao gồm phí hồ sơ 250.000 đồng), góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 6.000.000 đồng; mỗi ngày K-Ng phải góp 250.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên, K-Ng đã đáo hạn 02 lần với số tiền 5.000.000 đồng mỗi lần, đồng thời phải đóng phí 250.000 đồng mỗi lần đáo hạn. Khoản vay này K-Ng đã trả hết cho C. Tổng cộng khoản vay trên K-Ng đã trả cho C 750.000 đồng tiền phí, 15.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 197.259 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 2.802.741 đồng).

Lần 03. Ngày 11/6/2023, K-Ng tiếp tục vay C 5.000.000 đồng, mỗi ngày phải trả 50.000 đồng tiền lãi, phí vay 50.000 đồng. K-Ng đã trả cho C 07 ngày lãi với số tiền 350.000 đồng (lãi suất cho phép 20%/năm là 19.178 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 330.822 đồng), còn nợ 5.000.000 đồng tiền gốc.

Tổng số tiền Trần Văn C thu lợi bất chính đối với Đoàn Thị K-Ng là 8.670.551 đồng.

6. Ông Lê Hoàng A-H vay của C 03 lần với lãi suất 304,17%/năm:

Lần 01: Khoảng tháng 3/2023, A-H vay của C 10.000.000 đồng, (chưa bao gồm phí hồ sơ 500.000 đồng), góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 12.000.000 đồng; mỗi ngày A-H phải góp 500.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay này A-H đã trả hết cho C. Tổng cộng khoản vay trên A-H đã trả cho C 500.000 đồng tiền phí, 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 131.507 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 1.868.493 đồng).

Lần 02: Khoảng tháng 4/2023, A-H vay của C 10.000.000 đồng, (chưa bao gồm phí hồ sơ 500.000 đồng), góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 12.000.000 đồng; mỗi ngày A-H phải góp 500.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay này A-H đã trả hết cho C. Tổng cộng khoản vay trên A-H đã trả cho C 500.000 đồng tiền phí, 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 131.507 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 1.868.493 đồng).

Lần 03: Ngày 19/5/2023, A-H vay của C 10.000.000 đồng, (chưa bao gồm phí hồ sơ 500.000 đồng), góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 12.000.000 đồng; mỗi ngày A-H phải góp 500.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay này A-H đã trả hết cho C. Tổng cộng khoản vay trên A-H đã trả cho C 500.000 đồng tiền phí, 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 131.507 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 1.868.493 đồng).

Tổng số tiền Trần Văn C thu lợi bất chính đối với Lê Hoàng A-H là 7.105.479 đồng.

7. Bà Tôn Nữ T-H vay của C 02 lần với lãi suất 304,17%/năm:

Lần 01: Ngày 23/4/2023, T-H vay C 5.000.000 đồng, (chưa bao gồm phí hồ sơ 250.000 đồng), góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 6.000.000 đồng; mỗi ngày T-H phải góp 250.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay này T-H đã trả hết cho C. Tổng cộng khoản vay trên T-H đã trả cho C 250.000 đồng tiền phí, 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 65.753 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 934.247 đồng).

Lần 02: Ngày 16/5/2023, T-H tiếp tục vay C 10.000.000 đồng (chưa bao gồm phí hồ sơ 500.000 đồng), góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 12.000.000 đồng; mỗi ngày T-H phải góp 500.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên, T-H đã đáo hạn 01 lần với số tiền 10.000.000 đồng, đồng thời phải đóng phí 500.000 đồng. Lần đáo hạn này, T-H đã trả cho C 500.000 đồng phí, 4.500.000 đồng/09 ngày tiền lãi và gốc. Số tiền gốc T-H còn nợ là 6.250.000 đồng tiền gốc. Tổng cộng khoản vay trên T-H đã trả cho C 1.000.000 đồng tiền phí, 13.750.000 đồng tiền gốc và 2.750.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 180.822 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 2.569.178 đồng).

Tổng số tiền Trần Văn C thu lợi bất chính đối với Tôn Nữ T-H là 4.753.425 đồng.

8. Bà Nguyễn Thị H-T vay của C 02 lần với lãi suất 304,17%/năm:

Lần 01: Ngày 24/5/2023, H-T vay của C 10.000.000 đồng (chưa bao gồm phí hồ sơ 500.000 đồng), góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 12.000.000 đồng; mỗi ngày H-T phải góp 500.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên, H-T đã đáo hạn 01 lần với số tiền 10.000.000 đồng, đồng thời phải đóng phí 500.000 đồng. Lần đáo hạn này, H-T đã góp được 9 ngày với số tiền 4.500.000 đồng tiền gốc và lãi, còn nợ 6.250.000 đồng tiền gốc. Tổng cộng khoản vay trên H-T đã trả cho C 1.000.000 đồng tiền phí, 13.750.000 đồng tiền gốc và 2.750.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 180.822 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 2.569.178 đồng).

Lần 02: Ngày 11/6/2023, H-T tiếp tục vay của C 10.000.000 đồng (chưa bao gồm phí hồ sơ 500.000 đồng), góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 12.000.000 đồng; mỗi ngày H-T phải góp 500.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên, H-T đã góp được 7 ngày với số tiền 3.500.000 đồng tiền gốc và lãi, còn nợ 7.083.333 đồng tiền gốc. Tổng cộng khoản vay trên H-T đã trả cho C 500.000 đồng tiền phí, 2.916.667 đồng tiền gốc và 583.333 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 38.356 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 544.977 đồng).

Tổng số tiền Trần Văn C thu lợi bất chính đối với Nguyễn Thị H-T là 4.614.155 đồng.

9. Bà Lưu Thị Đ vay của C 01 lần với lãi suất 304,17%/năm: Ngày 25/5/2023, Đ vay của C 5.000.000 đồng, (chưa bao gồm phí hồ sơ 250.000 đồng), góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 6.000.000 đồng; mỗi ngày Đ phải góp 250.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên, Đ đã đáo hạn 01 lần với số tiền 5.000.000 đồng, đồng thời phải

đóng phí 250.000 đồng. Lần đáo hạn trên, Đ đã trả góp 04 ngày với số tiền 750.000 đồng tiền gốc và lãi, còn nợ C 4.375.000 đồng. Tổng cộng khoản vay trên Đ đã trả cho C 500.000 đồng tiền phí, 5.625.000 đồng tiền gốc và 1.125.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 73.972 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 1.051.028 đồng). Tổng số tiền Trần Văn C thu lợi bất chính đối với Đ là 1.551.028 đồng.

10. Bà Võ Thị Th-T vay C 02 lần với lãi suất 304,17%/năm:

Lần 01: Ngày 29/5/2023, Th-T vay của C 2.000.000 đồng, (chưa bao gồm phí hồ sơ 100.000 đồng), góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 2.400.000 đồng; mỗi ngày Th-T phải góp 100.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên, Th-T đã đáo hạn 01 lần với số tiền 2.000.000 đồng, đồng thời phải đóng phí 100.000 đồng. Lần đáo hạn trên, Th-T đã trả góp 06 ngày với số tiền 600.000 đồng tiền gốc và lãi, còn nợ C 1.500.000 đồng tiền gốc. Tổng cộng khoản vay trên Th-T đã trả cho C 200.000 đồng tiền phí, 2.500.000 đồng tiền gốc và 500.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 32.876 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 467.124 đồng).

Lần 02: Ngày 03/6/2023, Th-T tiếp tục vay của C 4.000.000 đồng, (chưa bao gồm phí hồ sơ 200.000 đồng), góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 4.800.000 đồng; mỗi ngày Th-T phải góp 200.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên, Th-T đã đáo hạn 01 lần với số tiền 4.000.000 đồng, đồng thời phải đóng phí 200.000 đồng. Lần đáo hạn trên, Th-T đã trả góp 04 ngày với số tiền 800.000 đồng tiền gốc và lãi, còn nợ C 3.333.333 đồng tiền gốc. Tổng cộng khoản vay trên Th-T đã trả cho C 400.000 đồng tiền phí, 4.666.667 đồng tiền gốc và 933.333 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 61.370 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 871.963 đồng).

Tổng số tiền Trần Văn C thu lợi bất chính đối với Võ Thị Th-T là 1.939.087 đồng.

11. Bà Nguyễn Thị T1 vay của C 01 lần với lãi suất 304,17%/năm: Ngày 31/5/2023, T1 vay của C 5.000.000 đồng, (chưa bao gồm phí hồ sơ 250.000 đồng), góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 6.000.000 đồng; mỗi ngày Trang phải góp 250.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên, T1 đã trả góp 18 ngày với số tiền 4.500.000 đồng tiền gốc và lãi, còn nợ C 1.250.000 đồng tiền gốc. Tổng cộng khoản vay trên T1 đã trả cho C 250.000 đồng tiền phí, 3.750.000 đồng tiền gốc và 750.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 49.315 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 700.685 đồng). Tổng số tiền Trần Văn C thu lợi bất chính đối với T1 là 950.685 đồng.

12. Bà Trần Thị L1 vay của C 01 lần với lãi suất 304,17%/năm: Ngày 05/6/2023, L1 vay của C 3.000.000 đồng, (chưa bao gồm phí hồ sơ 150.000 đồng), góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 3.600.000 đồng; mỗi ngày L1 phải góp 150.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên, L1 đã trả góp 14 ngày với số tiền 2.100.000 đồng tiền gốc và lãi, còn nợ C 1.250.000 đồng tiền gốc. Tổng cộng khoản vay trên L1 đã trả cho C 150.000 đồng tiền phí, 1.750.000 đồng tiền gốc và 350.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 23.014 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 326.986 đồng). Tổng số tiền Trần Văn C thu lợi bất chính đối với L1 là 476.986 đồng.

13. Bà Nguyễn Thị C-L vay của C 01 lần với lãi suất 260,71%/năm: Ngày 03/6/2023, C-L vay của C 7.000.000 đồng, (chưa bao gồm phí hồ sơ 400.000 đồng), góp

trong vòng 20 ngày với tổng số tiền phải góp là 8.000.000 đồng; mỗi ngày C-L phải góp 400.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên, C-L đã trả góp 15 ngày với số tiền 6.000.000 đồng tiền gốc và lãi, còn nợ C 1.750.000 đồng tiền gốc. Tổng cộng khoản vay trên C-L đã trả cho C 400.000 đồng tiền phí, 5.250.000 đồng tiền gốc và 750.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 57.534 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 692.466 đồng). Tổng số tiền Trần Văn C thu lợi bất chính đối với C-L là 1.092.466 đồng.

14. Bà Trần Thị Nh vay của C 01 lần với lãi suất 365%/năm: Ngày 03/6/2023, Nh vay của C 5.000.000 đồng, (chưa bao gồm phí hồ sơ 250.000 đồng), góp trong vòng 20 ngày với tổng số tiền phải góp là 6.000.000 đồng; mỗi ngày Nh phải góp 300.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên, Nh đã trả góp 15 ngày với số tiền 4.500.000 đồng tiền gốc và lãi, còn nợ C 1.250.000 đồng tiền gốc. Tổng cộng khoản vay trên Nh đã trả cho C 250.000 đồng tiền phí, 3.750.000 đồng tiền gốc và 750.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 41.096 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 708.904 đồng). Tổng số tiền Trần Văn C thu lợi bất chính đối với Nh là 958.904 đồng.

Tổng số tiền lãi Trần Văn C đã thu là 101.533.330 đồng (lãi suất cho phép 20%/năm là 6.672.318 đồng; lãi suất trên 20%/năm thu lợi bất chính là 94.861.012 đồng).

Tổng số tiền Trần Văn C thu phí trái pháp luật là 29.550.000 đồng.

Như vậy, số tiền thu lợi bất chính của Trần Văn C từ tháng 5/2022 đến 17/6/2023 khi cho 14 người trên vay số tiền 594.000.000 đồng là 124.411.012 đồng (bao gồm tiền lãi vượt quá 20%/năm là 94.861.012 đồng + thu phí trái pháp luật của 14 người là 29.550.000 đồng).

Quá trình điều tra, Trần Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại Cáo trạng số 94/CT-VKS ngày 19/10/2023, Viện Kiểm sát nhân dân (KSND) huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Trần Văn C về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây gọi Bộ luật hình sự);

Tại phiên tòa, đại diện Viện KSND huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Văn C, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn C phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 50, 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đề xuất tuyên phạt bị cáo Trần Văn C từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" và xử phạt bổ sung từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng;

Các vấn đề về xử lý vật chứng, tịch thu tang vật, tiền thu lợi bất chính… đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo quy định pháp luật.

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước trình bày lời luận tội đối với bị cáo và kết luận đối với vụ án, bị cáo Trần Văn C không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định trên. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là đúng pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên, sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn C khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng số 94/CT-VKS ngày 19/10/2023 của Viện KSND huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đã truy tố, cụ thể: Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân và lợi dụng nhu cầu vay tiền nhanh không phải làm thủ tục vay như các tổ chức tín dụng của một số người. Từ tháng 5/2022 đến ngày 17/6/2023, Trần Văn C đã có hành vi cho 14 người vay số tiền 594.000.000 đồng với mức lãi suất cao gấp 13 lần đến 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (từ 260%/ năm đến 365%/năm) thu lợi bất chính số tiền 124.411.012 đồng.

Xét lời khai nhận của bị cáo Trần Văn C tại phiên tòa là phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cũng như những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ ảnh hưởng của hành vi phạm tội: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ đã được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[4] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn C đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình truy tố, xét xử, bị cáo đã nộp số tiền 38.000.000 đồng khắc phục hậu quả; bị cáo đang nuôi con nhỏ, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự được áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trần Văn C thực hiện nhiều lần hành vi cho vay lãi nặng, mà số tiền thu lợi bất chính của mỗi lần phạm tội 30.000.000 đồng trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội hai lần trở lên" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Quan điểm của đại diện Viện KSND huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước trình bày về hình phạt, hình phạt bổ sung tại phiên tòa là có căn cứ. Tuy nhiên, theo khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thì cần xem xét áp dụng nghiêm khắc hình phạt tiền là hình phạt chính đối với người thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo không thuộc trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, hoạt động dưới hình thức băng, ổ nhóm; có thời gian tạm giam dài, nên cần áp dụng mức hình phạt chính là hình phạt tiền là phù hợp, để bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình, công đồng và xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do hình phạt chính được áp dụng là hình phạt tiền.

[8] Về biện pháp tư pháp:

Đối với hình thức vay tiền trả góp và vay tiền lãi đứng thì việc người vay tiền hoàn trả toàn bộ tiền gốc, tiền lãi; hoàn trả một phần tiền góp (tiền gốc và tiền lãi) hay mới hoàn trả tiền góp theo ngày; căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì đối với khoản tiền gốc bị cáo cho vay là phương tiện bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất 20%/năm và tiền phí (nếu có) là tiền phát sinh từ việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Đối với số tiền lãi vượt mức lãi suất quy định của Nhà nước (trên 20%) thì buộc bị cáo hoàn trả lại cho người vay, đối với số tiền gốc (trong vay tín chấp) và nợ gốc còn lại (vay góp) của người vay thì buộc người vay nộp lại để sung vào công quỹ Nhà nước, cụ thể như sau:

[8].1 Truy thu để nộp ngân sách nhà nước số tiền 70.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Trần Văn C sử dụng để cho vay (khấu trừ vào số tiền 38.000.000 đồng đã nộp khắc phục hậu quả trong quá trình truy tố và số tiền 13.090.000 đã thu giữ của Công).

[8].2 Truy thu nộp ngân sách nhà nước tiền lãi theo mức cao nhất của Bộ luật dân sự mà bị cáo Trần Văn C đã thu của 14 người vay là 6.672.318 đồng và số tiền 29.550.000 đồng Trần Văn C thu phí trái pháp luật của 14 người vay;

[8].3 Truy thu nộp ngân sách nhà nước đối với số tiền gốc là 86.583.664 đồng của 13 người đã vay nhưng chưa trả cho bị cáo Trần Văn C, gồm: Bà Tiền Thủy T số tiền 21.041.666 đồng; ông Lý Vinh S số tiền 11.500.333 đồng; bà Cao Thị Thanh Nh số tiền 6.416.666 đồng; bà Ngô Thị H số tiền 8.333.333 đồng; bà Đoàn Thị K-Ng số tiền 5.000.000 đồng; bà Tôn Nữ T-H số tiền 6.250.000 đồng; bà Nguyễn Thị H-T số tiền 13.333.333 đồng; bà Lưu Thị Đ số tiền 4.375.000 đồng; bà Võ Thị Th-T số tiền 4.833.333 đồng; bà Nguyễn Thị T1 số tiền 1.250.000 đồng; bà Trần Thị L1 số tiền

1.250.000 đồng; bà Nguyễn Thị C-L số tiền 1.750.000 đồng; bà Trần Thị Nh số tiền 1.250.000 đồng.

[8].4 Buộc bị cáo Trần Văn C phải trả lại cho 14 người vay tiền lãi vượt quá 20%/năm là 94.861.012 đồng, gồm: bà Tiền Thủy T số tiền 25.964.268 đồng; ông Lý Vinh S số tiền 25.878.632 đồng; bà Cao Thị Thanh Nh số tiền 14.122.696 đồng; bà Ngô Thị H số tiền 4.982.650 đồng; bà Đoàn Thị K-Ng số tiền 6.870.551 đồng; ông Lê Hoàng A-H số tiền 5.605.479 đồng; bà Tôn Nữ T-H số tiền 3.503.425 đồng; bà Nguyễn Thị H-T số tiền 3.114.155 đồng; bà Lưu Thị Đ số tiền 1.051.028 đồng; bà Võ Thị Th-T số tiền 1.339.087 đồng; bà Nguyễn Thị T1 số tiền 700.685 đồng; bà Trần Thị L1 số tiền 326.986 đồng; bà Nguyễn Thị C-L số tiền 692.466 đồng; bà Trần Thị Nh số tiền 708.904 đồng.

[9] Xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động Nokia màu xanh, dạng bàn phím là phương tiện bị cáo dùng để liên lạc, phục vụ việc cho vay và đòi nợ, dùng vào việc phạm tội nên cần tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động 12 Promax, 01 điện thoại Nokia màu đen đã thu giữ của bị cáo Trần Văn C, là tài sản hợp pháp của chị Trần Thị T-H cho bị cáo mượn, không dùng vào mục đích phạm tội nên được trả lại cho chị Trần Thị T-H.

[10] Đối với số tiền 30.000.000 đồng do chị Trần Thị T-H là vợ của bị cáo nộp để bảo đảm nhằm thay thế biện pháp ngăn chặn:

Quá trình truy tố, xét xử, bị cáo không vi phạm nghĩa vụ, căn cứ Điều 122 BLTTHS, các điều 10, 11, 12 Thông tư liên tịch số 06/2018/TTLT-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 07/8/2018 của Liên ngành Trung ương trả lại cho chị Trần Thị T-H số tiền 30.000.000 đồng.

Đối với Trần Thị T-H, Trần Thị Tuyết quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn C nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý trong vụ án.

Đối với xe mô tô biển số 93F1 – 559.07 quá trình điều tra chưa làm rõ được nguồn gốc, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Phú tách ra tiếp tục xác minh, xử lý sau nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý trong vụ án.

Đối với hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Trần Văn C cùng với Hào (không rõ nhân thân) trước đó, quá trình điều tra chưa chứng minh được hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý trong vụ án

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn C phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g khoản 1, Điều 52; các Điều 35, 50 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Văn C số tiền 200.000.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền.

3. Các biện pháp tư pháp:

3.1. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu 01 điện thoại di động Nokia màu xanh, dạng bàn phím đã thu giữ.
- Trả lại cho bị cáo Trần Văn C 01 điện thoại Nokia màu đen đã thu giữ.
- Trả lại cho chị Trần Thị T-H 01 điện thoại di động 12 Promax.

3.2. Áp dụng Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

3.2.1. Buộc bị cáo Trần Văn C nộp ngân sách Nhà nước số tiền cụ thể: 70.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Trần Văn C sử dụng để cho vay + tiền lãi theo mức cao nhất của Bộ luật dân sự mà bị cáo Trần Văn C đã thu của 14 người vay là 6.672.318 đồng + số tiền 29.550.000 đồng Trần Văn C thu phí trái pháp luật của 14 người vay = 106.222.318 đồng, được khấu trừ vào số tiền 38.000.000 đồng đã nộp khắc phục hậu quả trong quá trình truy tố, xét xử và số tiền 13.090.000 đã thu giữ của bị cáo Trần Văn C.

3.2.2. Buộc bị cáo Trần Văn C phải trả lại cho 14 người vay tiền lãi vượt quá 20%/năm là 94.861.012 đồng, gồm: bà Tiền Thủy T số tiền 25.964.268 đồng; ông Lý Vinh S số tiền 25.878.632 đồng; bà Cao Thị Thanh Nh số tiền 14.122.696 đồng; bà Ngô Thị H số tiền 4.982.650 đồng; bà Đoàn Thị K-Ng số tiền 6.870.551 đồng; ông Lê Hoàng A-H số tiền 5.605.479 đồng; bà Tôn Nữ T-H số tiền 3.503.425 đồng; bà Nguyễn Thị H-T số tiền 3.114.155 đồng; bà Lưu Thị Đ số tiền 1.051.028 đồng; bà Võ Thị Th-T số tiền 1.339.087 đồng; bà Nguyễn Thị T1 số tiền 700.685 đồng; bà Trần Thị L1 số tiền 326.986 đồng; bà Nguyễn Thị C-L số tiền 692.466 đồng; bà Trần Thị Nh số tiền 708.904 đồng.

3.2.3 Truy thu nộp ngân sách nhà nước đối với số tiền gốc là 86.583.664 đồng của 13 người đã vay nhưng chưa trả cho bị cáo Trần Văn C, số tiền từng người truy thu cụ thể như sau: Bà Tiền Thủy T số tiền 21.041.666 đồng; ông Lý Vinh S số tiền 11.500.333 đồng; bà Cao Thị Thanh Nh số tiền 6.416.666 đồng; bà Ngô Thị H số tiền 8.333.333 đồng; bà Đoàn Thị K-Ng số tiền 5.000.000 đồng; bà Tôn Nữ T-H số tiền 6.250.000 đồng; bà Nguyễn Thị H-T số tiền 13.333.333 đồng; bà Lưu Thị Đ số tiền 4.375.000 đồng; bà Võ Thị Th-T số tiền 4.833.333 đồng; bà Nguyễn Thị T1 số tiền 1.250.000 đồng; bà Trần Thị L1 số tiền 1.250.000 đồng; bà Nguyễn Thị C-L số tiền 1.750.000 đồng; bà Trần Thị Nh số tiền 1.250.000 đồng.

3.2.4 Xử lý tiền đặt cọc bảo đảm để tại ngoại: Trả lại số tiền 30.000.000 đồng do chị Trần Thị T-H là vợ của bị cáo Trần Văn C nộp để bảo đảm nhằm thay thế biện pháp ngăn chặn

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần Văn C phải nộp 200.000 đồng.

5. Bị cáo Trần Văn C, chị Trần Thị T-H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước (01);*
- *VKSND tỉnh Bình Phước (01)*
- *VKSND huyện Đồng Phú (01);*
- *Chi cục THADS huyện Đồng Phú (01);*
- *PV06 - CA tỉnh Bình Phước (01);*
- *Công an huyện Đồng Phú (03);*
- *Trung tâm lý lịch tư pháp - Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước (01);*
- *UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú (01);*
- *Bị cáo; người tham gia tố tụng (01);*
- *Lưu (02).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Trung